

Số: /KH-UBND

Nam Thanh Miện, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan
Nhà nước trên địa bàn xã Nam Thanh Miện 6 tháng cuối năm 2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về tổng kết, đánh giá thực tiễn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2007 của Bộ Chính trị về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 17-NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2007/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi cơ sở giáo dục đào tạo từ các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập sang cơ sở giáo dục tư thực;

- Nghị quyết số 74/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/8/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về việc phát huy truyền thống, kết quả, kinh nghiệm và những thành tựu đã đạt được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/8/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 11/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc chuyển đổi cơ sở giáo dục đào tạo từ các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập sang cơ sở giáo dục tư thực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;

- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản

lý đầu thầu trong sử dụng CNTT bằng ngân sách nhà nước;

- Công văn số 3816/BTTTT-CDQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện, ngân sách, địa phương và xây dựng Kế hoạch Chuẩn bị số năm 2025;

- Các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về chuyển đổi số của Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) và Thành ủy Hải Phòng (cũ) giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, gồm: Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Dương và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng;

- Các Kế hoạch, Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chiến lược dữ liệu và dự án UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và UBND thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành;

- Kế hoạch số 4570/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND thành phố Hải Phòng (cũ);

- Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát huy chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, công khai minh bạch, cải cách hành chính; phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng từ 75% trở lên (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% báo cáo định kỳ về chỉ tiêu kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của xã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo thành phố, Chính phủ.
- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.
- Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.
- Tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số.

- 100% hệ thống thông tin của xã được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 1.

III. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Hạ tầng số

- Rà soát, nâng cấp hệ thống máy tính, máy in, máy quét, mạng nội bộ, đường truyền Internet tại các cơ quan, đơn vị các cấp, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và triển khai Đề án 06/CP;

- Duy trì, vận hành ổn định hệ thống camera an ninh, hệ thống truyền thanh thông minh;

- Từng bước triển khai mô hình “phòng họp không giấy tờ” tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Ứng dụng trong nội bộ

- Duy trì và phát triển Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đảm bảo trên 90% văn bản được ký số và xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). Duy trì, phát triển cổng thông tin điện tử xã liên thông với thành phố; vận hành hiệu quả hệ thống thư điện tử, triển khai chữ ký số trên nền tảng di động (khi thành phố triển khai).

- Tăng cường áp dụng trợ lý ảo (AI) hỗ trợ công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công việc và năng suất lao động; ứng dụng AI để tự động hóa việc kiểm tra, rà soát văn bản.

- Phát triển các nền tảng, ứng dụng số chuyên ngành để đưa hoạt động chỉ đạo, điều hành lên môi trường số, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

2.2. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Phối hợp với các Sở, ngành nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã, tái cấu trúc quy trình để đơn giản hóa thủ tục, nâng cao trải nghiệm người dùng.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp thanh toán trực tuyến và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để hình thành Kho dữ liệu của công dân, tổ chức.

- Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng ứng dụng công dân số (Smart Hai Phong) với nhiều tiện ích, bao gồm kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

3. Phát triển dữ liệu số

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu chuyên ngành, hình thành các cơ sở dữ

liệu cốt lõi về đất đai, dân cư, doanh nghiệp, xây dựng, nông nghiệp...

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của UBND xã; từng bước cập nhật dữ liệu dân cư, lao động, hộ nghèo, chính sách xã hội.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Thường xuyên tham gia và phối hợp tổ chức đào tạo, diễn tập thực chiến về an toàn thông tin.

- Thực hiện phân quyền quản lý, bảo mật tài khoản trên hệ thống văn bản, dịch vụ công.

- Xây dựng và triển khai phương án sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1, đảm bảo có bản sao lưu ngoại tuyến (offline) để sẵn sàng phục hồi hệ thống nhanh chóng sau sự cố.

- Tổ chức đánh giá, phân loại, đề nghị phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai các phương án bảo vệ hệ thống theo đúng cấp độ đã được phê duyệt.

5. Đào tạo, tuyên truyền và phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia, phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị; nhằm thực hiện tốt việc vận hành, khai thác các ứng dụng, tiện ích về chuyển đổi số.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh truyền thông về lợi ích của chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen của người dân, doanh nghiệp.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về môi trường, chính sách

- Phối hợp rà soát, đề nghị ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù; cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác CNTT và chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin.

2. Giải pháp về tài chính

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trọng điểm, mang tính nền tảng.

- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống công nghệ thông tin làm nền tảng.

- Đa dạng hóa nguồn vốn, thu hút đầu tư từ doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội; tranh thủ hỗ trợ của Thành phố, Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ và nguồn vốn khác.

3. Giải pháp về triển khai và tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; coi kết quả chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính. Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, cá nhân.

- Kiện toàn bộ máy chuyên trách về CNTT và CDS từ cấp xã đến các cơ quan, đơn vị đảm bảo đủ năng lực để triển khai và vận hành các hệ thống. Tăng cường biên chế, vị trí việc làm tại Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm phục vụ hành chính công để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị để kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn.

4. Giải pháp về hợp tác và công nghệ

- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin trong các cơ quan khối Đảng, HĐND, UBND, các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất xã, đảm bảo kết nối liên thông với thành phố.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI) vào thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã, phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố đã được phê duyệt.

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các xã, Sở ngành, các tỉnh,

thành phố đi đầu trong cả nước để tiếp cận các giải pháp, công nghệ tiên tiến.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước (nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn kinh phí sự nghiệp) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả và định kỳ báo cáo UBND xã.

- Chủ trì triển khai Kế hoạch này với chương trình cải cách hành chính; phối hợp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số; đề xuất đưa kết quả CDS vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.

- Tham mưu thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề định kỳ về kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi.

2. Phòng Kinh tế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã bố trí đủ kinh phí (ngân sách nhà nước) để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

3. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Phối hợp chặt chẽ trong việc kết nối, xác thực và bảo đảm an toàn, an ninh cho việc khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Các phòng, ban, ngành thuộc UBND xã và các thôn

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chi tiết tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Chủ động bố trí nguồn lực, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn để phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ số.

- Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo.

5. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Chủ động triển khai thực hiện các yêu cầu tại Kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ được giao; tăng cường tin bài tuyên truyền thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

6. Các đơn vị trường học

- Chủ động triển khai các yêu cầu của Kế hoạch đến cán bộ, giáo viên về mục tiêu chuyển đổi số; tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tập huấn kỹ năng CNTT; xử lý văn bản trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số; cập nhật dữ liệu trường, giáo viên, học sinh trên hệ thống quản lý ngành; khuyến khích bài giảng e-learning, ứng dụng CNTT trong dạy minh họa.

- Phân công phụ trách CNTT, sao lưu dữ liệu, bảo vệ thông tin học sinh – giáo viên; tăng cường thông tin với phụ huynh qua công thông tin/nhóm Zalo; công khai các khoản thu, kế hoạch hoạt động.

7. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia tích cực vào tiến trình chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, Trưởng các thôn và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng văn bản về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN thành phố;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Các Phó CT UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Nguyễn

PHỤ LỤC**DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN CẤP XÃ***(Kèm theo Kế hoạch số .../KH-UBND ngày 11/9/2025 của UBND xã Nam Thanh Miện)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Đề nghị thành phố hỗ trợ
I. HẠ TẦNG SỐ				
1	Duy trì, nâng cấp hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền Internet UBND xã	2025	1.394,928	1.394,928
2	Mua bản quyền phần mềm (Office, chống virus) cho UBND xã	2025	5	5
3	Duy trì hệ thống truyền thanh thông minh và camera giám sát tại địa bàn xã	2025-2026	50	50
II. CHÍNH QUYỀN SỐ				
4	Thuê, duy trì dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ vận hành chính quyền số cấp xã	2025-2026	6	6
5	Vận hành Bộ phận Một cửa điện tử, triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2025	25	25

6	Tổ chức hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt	2025	15	15
III. DỮ LIỆU SỐ				
7	Số hóa hồ sơ, tài liệu quản lý nhà nước (hộ tịch, đất đai, an sinh xã hội)	2025	1.215	1.215
8	Chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu dân cư, hộ tịch với cơ sở dữ liệu thành phố	2025	100	100
IV. AN TOÀN THÔNG TIN				
9	Sao lưu dữ liệu, duy trì hệ thống bảo mật, quản lý tài khoản hệ thống	2025	5	5
V. NHÂN LỰC SỐ VÀ TUYÊN TRUYỀN				
10	Tập huấn CNTT, kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã	2025	5	5
11	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng	2025	5	5
12	Tuyên truyền chuyển đổi số qua truyền thanh cơ sở, cổng thông tin xã, Zalo cộng đồng	2025	3	3

Tổng cộng: Nhu cầu kinh phí: **2.828,928** triệu đồng. (2 tỷ 828 triệu 928 nghìn đồng)